

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-ST

Ngày: 10-6-2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Nghiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Quang Ngọc.

2. Bà Y Blur.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Trần Bá Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 241/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: Lầu 8, 266 – 268 Nam Kỳ Khởi N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Hữu T; chức vụ: Nhân viên Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Kon Tum (Văn bản ủy quyền đề ngày 21/10/2020) (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trần Q, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Hẻm 197 (số mới) Phan Chu T, phường Thắng L, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2020 và trong quá trình xét xử, người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày.

Vào ngày 15/10/2012, Ngân hàng TMCP S và anh Nguyễn Trần Q ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng). Căn cứ thu nhập của anh Q, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, anh Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 2.5%/tháng, lãi suất quá hạn là 3.75%/tháng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, anh Q đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 6.700.000 đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi trước, sau đó sẽ trừ tiếp vào các khoản giao dịch. Số tiền dư nợ gốc anh Q chưa thanh toán cho Ngân hàng là 8.448.377 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng anh Q chưa trả được số tiền trên. Ngày 23/5/2014, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số tiền dư nợ gốc 8.448.377 đồng của anh Q sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.75%/tháng.

Nay yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Trần Q trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 10/6/2021 tổng cộng là 35.650.937 đồng. Trong đó, 8.448.377 đồng tiền gốc và 27.202.560 đồng tiền lãi quá hạn và toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến khi anh Q thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng đã ký kết.

Tại bản tự khai đề ngày 25/11/2020, bị đơn anh Nguyễn Trần Q trình bày.

Anh Nguyễn Trần Q thừa nhận vào năm 2012, anh Q có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S. Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng, anh Q đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 6.700.000 đồng. Năm 2014, anh Q nghỉ việc tại Ủy ban nhân dân phường Quyết T. Từ đó đến nay, anh Q không sử dụng thẻ tín dụng do Ngân hàng cấp và không biết gì về khoản vay này vì Ngân hàng không gọi điện hay thông báo. Anh Q không đồng ý với số tiền lãi phát sinh, chỉ nhận nợ số tiền gốc là 8.448.377 đồng.

Bị đơn anh Nguyễn Trần Q đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn cố tình không đến tòa án để làm việc và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã tuân thủ, chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Nguyễn Trần Q dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Anh Q đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 280, 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S. Buộc anh Nguyễn Trần Q trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tổng cộng là 35.650.937 đồng. Trong đó, 8.448.377 đồng tiền gốc và 27.202.560 đồng tiền lãi quá hạn.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn anh Nguyễn Trần Q có nơi cư trú hiện nay tại hẻm 197 (số mới) Phan Chu T, phường Thắng L, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Quan hệ tranh chấp trong vụ án là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do đó, việc Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định tại Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Trần Q đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Như vậy, anh Q đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, đề ngày 15/10/2012, anh Nguyễn Trần Q có đề nghị Ngân hàng TMCP S cấp thẻ tín dụng với hạn mức 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Ngân hàng TMCP S đã đồng ý phê duyệt và cấp thẻ tín dụng cho anh Q với hạn mức là 10.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn do Ngân hàng TMCP S áp dụng là 2.5%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (3.75%/tháng). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, anh Q đã thực hiện giao dịch, với tổng số tiền 10.000.000 đồng.

[3] Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, anh Nguyễn Trần Q đã trả được cho Ngân hàng TMCP S số tiền 6.700.000 đồng, còn nợ Ngân hàng số tiền gốc (tính đến ngày 22/5/2014) là 8.448.377 đồng (bao gồm tiền giao dịch, phí, lãi). Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở trả tiền nhưng anh Q không thực hiện. Do đó, ngày 23/5/2014, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và

chuyển toàn bộ số tiền gốc là 8.448.377 đồng sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.75%/tháng.

[4] Xét thấy, đây là giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực (ngày 01/01/2017). Tuy nhiên, giao dịch này thuộc trường hợp "*chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện*" mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, theo điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án. Thấy rằng, anh Nguyễn Trần Q đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay theo quy định tại các Điều 280 và 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh Nguyễn Trần Q phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày xét xử (ngày 10/6/2021) tổng cộng là 35.650.937 đồng. Trong đó, 8.448.377 đồng tiền gốc và 27.202.560 đồng tiền lãi quá hạn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S được chấp nhận nên bị đơn anh Nguyễn Trần Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của Ngân hàng TMCP S, đơn đề ngày 21/10/2020.

Áp dụng các Điều 280, 357, 463, 466, 468, 470 và 688 Bộ luật Dân sự 2015.

Xử:

Buộc anh Nguyễn Trần Q trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tổng cộng là 35.650.937 đồng (*Ba mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, chín trăm ba mươi bảy đồng*). Trong đó, 8.448.377 đồng tiền gốc và 27.202.560 đồng tiền lãi quá hạn.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu thi hành án. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh Nguyễn Trần Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền này.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP S thì lãi suất mà anh Q phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP S.

Về án phí: Áp dụng các Điều 144 và 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 6, 18, 19, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Trần Q phải chịu 1.782.546 đồng (*Một triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm bốn mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S 766.000 đồng (*Bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003834 ngày 26/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

Căn cứ các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/6/2021), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THADS.TP KonTum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Bá Nghiê